

Số: /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Giá thị trường tháng 3 và Quý I năm 2025 của tỉnh Lào Cai

Kính gửi: Cục Quản lý Giá – Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, UBND tỉnh Lào Cai báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 3 và Quý I năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ

Thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai tháng 3 và Quý I năm 2025 tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường.

2. Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, hàng hóa, dịch vụ

Nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của nhân dân dịp sau tết, lễ rằm tháng giêng, lễ hội giã, sản lượng tiêu dùng điện, nước giảm là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 giảm 0,17% so với tháng trước. So với tháng 12/2024, CPI tháng 3 năm nay tăng 1,15% và tăng 1,76% so với cùng tháng năm trước. Bình quân quý I năm 2025, CPI tăng 1,94% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

3. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

3.1. Diễn biến giá tiêu dùng tháng 03/2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

3.1.1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,13%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 3/2025 giảm 0,13% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm. Trong đó: Lương thực giảm 0,07%, thực phẩm giảm 0,18%, tác động giảm CPI chung khoảng 0,04 điểm phần trăm.

a) Lương thực (-0,07%): Nhu cầu tiêu dùng của người dân giảm sau các dịp Lễ, Tết đối với mặt hàng gạo nếp làm xôi, bánh làm giá giảm: Giá gạo nếp giảm 1,38%.

b) Thực phẩm (-0,18%): Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 0,18%, chủ yếu do giá thịt gia cầm, trứng các loại, nước mắm, nước chấm và các loại rau tươi, khô và chế biến giảm, đóng góp vào mức giảm CPI chung khoảng 0,04 điểm phần trăm

3.1.2. Đồ uống và thuốc lá (+0,75%)

Chỉ số giá đồ uống và thuốc lá tháng 3/2025 tăng 0,75% so với tháng trước, chủ yếu do tăng giá từ nhà sản xuất. Cụ thể: Nước quả ép tăng 1,28%, rượu vang tăng 0,46%, thuốc lá tăng 2,73%.

3.1.3. Nhà ở, điện nước và vật liệu xây dựng (-0,29%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước và vật liệu xây dựng tháng 3/2025 giảm 0,29% so với tháng trước. Một số mặt hàng có mức giá biến động như sau: Chỉ số giá điện sinh hoạt giảm 1,56%, do sản lượng tiêu thụ điện giảm; giá dầu hỏa giảm 5,00%, do Bộ Công Thương điều chỉnh giá; Chỉ số giá nước sinh hoạt giảm 1,25% do sản lượng tiêu thụ nước giảm.

Bên cạnh đó, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (gạch lát nền) tăng 0,14% (do nhà sản xuất tăng giá bán), làm hạn chế tốc độ giảm chỉ số chung của nhóm.

3.1.4. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,06%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 3/2025 tăng 0,06% so với tháng trước, do các cơ sở thay đổi giá theo chương trình kinh doanh và theo nhu cầu tiêu thụ. Cụ thể: Dầu gội đầu tăng 1,34%, nước rửa bát và nước cọ sàn giảm 0,71%.

3.1.5. Giao thông (-1,06%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 3/2025 giảm 1,06% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá nhiên liệu trong tháng của Bộ Công Thương theo thị trường trong nước và quốc tế. Cụ thể, trong tháng giá dầu diesel giảm 4,70%, giá xăng giảm 3,57%.

3.1.6. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 3/2025 tăng 0,03% so với tháng trước. Trong đó, giá hàng hóa và dịch vụ cá nhân tăng 0,07% chủ yếu do giá đồ trang sức tăng theo ảnh hưởng của giá vàng.

Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ: Chỉ số giá vàng tháng 3/2025 tăng 4,00% so với tháng trước; tăng 9,35% so với tháng 12/2024; tăng 39,76% so với cùng kỳ năm trước; bình quân quý 1 năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 38,42%.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2025 tăng 0,69% so với tháng trước; tăng 0,82% so với tháng 12/2024; tăng 1,55% so với cùng kỳ năm trước; bình quân quý 1 năm 2025 tăng 2,46%.

3.2. Chỉ số giá tiêu dùng trong Quý I năm 2025: Chỉ số giá tiêu dùng quý I năm 2025 tăng 1,94% so với cùng kỳ năm 2024.

3.2.1. Các yếu tố làm tăng CPI trong quý I năm 2025

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,16%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,82% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng;
- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế quý I tăng 5,56% so với cùng kỳ năm trước do giá dịch vụ y tế tăng theo Thông tư mới của Bộ Y tế;
- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác quý I năm 2025 tăng 4,57% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giá các mặt hàng đồ trang sức và dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng do ảnh hưởng của giá vàng và nhu cầu tiêu dùng của người dân;
- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch quý I năm 2025 tăng 0,24% so với cùng kỳ năm trước do phí truyền hình, internet và các mặt hàng hoa, cây cảnh tăng;
- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,59%;
- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,17% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng.

3.2.2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong quý I năm 2025

- Nhóm nhà ở, điện nước và vật liệu xây dựng quý I năm 2025 giảm 0,40% so với cùng kỳ năm trước do giá điện, nước sinh hoạt giảm.
- Nhóm giao thông quý I giảm 1,60% so với cùng kỳ năm trước theo các đợt điều chỉnh giá của Bộ Công Thương dưới sự ảnh hưởng của thị trường trong nước và quốc tế.
- Chỉ số giá nhóm giáo dục quý I giảm 8,71% so với cùng kỳ năm trước do các cơ sở giáo dục thực hiện thu học phí theo Nghị quyết mới của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

4. Thống kê mức giá hàng hóa dịch vụ

Chi tiết có phụ lục bảng giá thị trường tháng 3 năm 2025 kèm theo báo cáo

II. Diễn biến giá thị trường của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu

1. Nhóm hàng lương thực: Tại các chợ trên địa bàn huyện, thành phố giá gạo ổn định, cụ thể: Gạo tẻ thường dao động từ 17.000 đồng/kg – 18.000 đồng/kg; Gạo Sến Cù Mường Khương, Bát Xát từ 28.000 - 30.000 đồng/kg; Gạo nếp từ 35.000 -38.000 đồng.

2. Nhóm hàng thực phẩm

- Thực phẩm tươi sống: Giá thịt lợn hơi trên địa bàn dao động từ 70.000 đồng/kg - 72.000 đồng/kg; Giá thịt lợn mỡ sấn từ 120.000 đồng/kg -130.000 đồng/kg; Thịt nạc thăn 120.000 đồng/kg- 140.000 đồng/kg; Thịt lợn ba chỉ 120.000 đồng/kg - 150.000 đồng/kg; xương sườn từ 130.000 đồng/kg - 160.000 đồng/kg; Tim 280.000 đồng/kg - 320.000 đồng/kg; Giá thịt gà ta 130.000 đồng/kg

- 150.000 đồng/kg; Giá thịt bò thăn 250.000 đồng/kg - 270.000 đồng/kg; Trứng gà ta 5.500 – 6.000 đồng/quả; Cá trắm 80.000 đồng/kg - 90.000 đồng/kg; Cá chép 50.000 đồng/kg- 70.000 đồng/kg.

- Rau, củ quả: Mặt hàng rau xanh: Rau cải bắp trắng 8.000 đồng/kg - 10.000 đồng/kg, rau cải các loại 8.000 đồng/kg - 10.000 đồng/kg, cà chua 10.000 đồng/kg - 15.000đồng/kg, bí xanh 15.000 đồng/kg- 20.000 đồng/kg.

- Mặt hàng hoa, quả: Đối với hoa: Cúc nhiều nụ 7.000 đồng/bông - 9.000 đồng/bông; hoa ly 20.000 đồng/cành - 25.000 đồng/cành; hoa hồng 8.000 đồng/bông -10.000 đồng/bông. Đối với quả: thanh long 20.000 đồng/kg - 25.000 đồng/kg; dưa hấu 10.000 đồng/kg - 15.000 đồng/kg; cam, quýt 20.000 đồng/kg – 30.000 đồng/kg.

2.3. Giá đường, sữa, muối: Giá các mặt hàng đường trắng RE, sữa ông thọ, muối: giá đường trắng gói 1kg từ 20.000 - 30.000 đồng/gói; Sữa ông thọ hộp thiếc đỏ 24.000 đồng/hộp; Sữa ông thọ trắng 30.000 đồng/hộp; giá muối 5.000 đồng/kg - 8.000 đồng/kg.

2.4. Xăng dầu khí hóa lỏng

a) Trong tháng 03, giá xăng dầu được Bộ Công Thương điều chỉnh theo 4 kỳ, cụ thể:

- Giá xăng dầu từ 15h00 ngày 06/3/2025 đến 14h59 phút ngày 13/3/2025: Xăng RON 95-III giá bán lẻ 20.800 đồng/lít, xăng E5 RON 92-II là 20.350 đồng/lít; dầu hỏa 18.940 đồng/lít; dầu Diezel 0.05S-II là 18.690 đồng/lít.

- Giá xăng dầu từ 15h00 ngày 13/3/2025 đến 14h59 phút ngày 20/3/2025: Xăng RON 95-III giá bán lẻ 20.030 đồng/lít, xăng E5 RON 92-II là 19.660 đồng/lít; dầu hỏa 18.450 đồng/lít; dầu Diezel 0.05S-II là 18.240 đồng/lít.

- Giá xăng dầu từ 15h00 ngày 20/3/2025 đến 14h59 phút ngày 27/03/2025: Xăng RON 95-III giá bán lẻ 20.480 đồng/lít, xăng E5 RON 92-II là 20.080 đồng/lít; dầu hỏa 18.470 đồng/lít; dầu Diezel 0.05S-II là 18.240 đồng/lít.

- Giá xăng dầu từ 15h00 ngày 27/3/2025 đến thời điểm báo cáo: Xăng RON 95-III giá bán lẻ 20.820 đồng/lít, xăng E5 RON 92-II là 20.430 đồng/lít; dầu hỏa 18.890 đồng/lít; dầu Diezel 0.05S-II là 18.570 đồng/lít.

b) Giá khí mỏ hóa lỏng (LGP): Bình 12kg (Bình khí hóa lỏng < 200kg) giá từ 420.000 – 450.000 đồng/bình.

2.6. Dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục: Nhóm giá dịch vụ ổn định.

2.7. Giao thông: Giá cước vận chuyển hành khách: Xe chất lượng cao tuyến Hà Nội - Lào Cai và ngược lại: 260.000- 300.000 đồng/hành khách/lượt; tuyến Bảo Thắng – Bắc Giang và ngược lại: 250.000 đồng/hành khách/lượt.

III. Tình hình thực hiện công tác quản lý giá, điều tiết giá

1. Tình hình ban hành các văn bản QPPL trong lĩnh vực giá

Thường xuyên chỉ đạo các Sở, ngành rà soát các văn bản chỉ đạo của Trung ương để tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL trong lĩnh vực giá. Trong kỳ báo cáo, đã ban hành Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 về việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 15/03/2025 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá (nếu có): Không phát sinh.

3. Công tác định giá

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành thuộc tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương rà soát các văn bản định giá để trình ban hành văn bản định giá mới theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

4. Tình hình thực hiện kê khai

Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn dưới Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai, chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai theo quy định.

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá:

Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về một số nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về việc triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Để các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai tập trung hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo theo thời gian quy định, tạm thời không triển khai việc kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá.

IV. Dự báo giá thị trường

Theo diễn biến các năm trước, dự báo thị trường hàng hóa trong tháng 4 năm 2025 tương đối ổn định, không có sự biến động lớn về giá.

V. Giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đảm bảo kịp thời, minh bạch thông tin về giá, nhất là diễn biến giá các mặt hàng thiết yếu liên quan đến sản xuất và đời sống người dân để kiểm soát lạm phát, ổn định tâm lý người tiêu dùng.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, ngành chức năng thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thị trường, cung cầu và giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, không để xảy ra tình trạng tạo khan

hiếm, đầu cơ nâng giá, đảm bảo lưu thông hàng hóa nhất là đến các địa bàn vùng sâu, vùng xa.

3. Các Sở, ngành, địa phương chủ động trong công tác quản lý, kê khai, niêm yết và công khai thông tin về giá các mặt hàng theo chức năng nhiệm vụ được giao, rà soát các văn bản định giá để trình ban hành văn bản định giá mới theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản quy định công tác quản lý nhà nước về giá đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 3 và Quý I năm 2025 của tỉnh Lào Cai, đề nghị Cục Quản lý Giá xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT. TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Xuân Trường